

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/4/2022

V/v: “tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn V Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn V Thanh, ông Chu Quốc Đạt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện LG.

Đại viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện LG.

Trong ngày 15/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2021 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn A, xã AD, huyện TY, tỉnh BG.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn CH, xã TD, huyện LG, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Đức V vào ngày 18/11/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh V tại thôn CH, xã TD, huyện LG, tỉnh BG. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh V nhiều lần đánh, đe dọa và đuổi chị ra khỏi nhà. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V chơi bời cờ bạc và bỏ mặc vợ con bán hết tài sản trong gia đình, không chăm lo cho gia đình. Cũng trong năm 2020, chị đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã AD, TY, BG sinh sống. Từ đó anh V đã bỏ mặc chị nuôi dưỡng 03 con. Anh V còn nhiều lần đe dọa, chửi bới khiến tinh thần chị bị hoảng loạn, lo lắng, không có tư tưởng làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuần vợ chồng trầm trọng, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Đức Thành, sinh ngày 25/6/2014; Nguyễn Đức Tuấn, sinh ngày 13/11/2015 và Nguyễn Đức Tú, sinh ngày 19/6/2018. Hiện nay cả 03 con chung đều đang ở cùng chị, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Lý do chị xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung là vì anh V không còn chỗ ở do đã bán hết nhà cửa, tài sản từ năm 2020; hiện nay anh V phải đi ở nhờ, để mặc chị nuôi dưỡng, chăm sóc các con; không hề quan tâm, chu cấp bất cứ thứ gì để chị nuôi con. Hơn nữa, các con chung cũng đều đang chung sống ổn định với chị và có nguyện vọng xin được ở với chị. Chị hiện đang làm công nhân SA Sung, thu nhập bình quân từ 12.000.000đ đến 16.000.000đ/ tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức V đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Nhưng anh V không có V bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt mà không có lý do nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh V cư trú và tại gia đình anh V thấy: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh V, chị N hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên chị N cùng các con chung đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Anh V là lao động tự do nay đây mai đó chỗ ở không ổn định thì thoảng có về ở nhờ nhà mẹ đẻ và anh trai tại thôn CH, xã TD, huyện LG, tỉnh BG. Anh V làm thợ xây nên thu nhập không ổn định, bép bênh chỉ đủ ăn và chi tiêu cá nhân.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh V vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG thA gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh V chưa thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

- Nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đức V.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Đức Thành, sinh ngày 25/6/2014; Nguyễn Đức Tuấn, sinh ngày

13/11/2015 và Nguyễn Đức Tú, sinh ngày 19/6/2018. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện LG. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện LG đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức V có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2011 tại UBND xã TD, huyện LG, tỉnh BG. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh V là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị N phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương và gia đình anh V đều xác định vợ chồng chị N, anh V có xảy ra nhiều mâu thuẫn đánh, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V chơi bời, không chăm lo cho vợ con, gia đình, năm 2020 đã phải bán hết nhà cửa tài sản. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau.

Nay chị N xin ly hôn, tuy anh V không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Nhưng Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh V.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh V có 03 con chung là Nguyễn Đức Thành, sinh ngày 25/6/2014; Nguyễn Đức Tuấn, sinh ngày 13/11/2015 và Nguyễn Đức Tú, sinh ngày 19/6/2018. Ly hôn, chị N xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh V không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng:

Anh V hiện không có chỗ ở ổn định, công việc thu nhập chỉ đủ chi tiêu cá nhân. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân kể từ năm 2020 cho đến nay, anh V không quan tâm, chăm sóc cho các con. Anh V cũng không chu cấp gì mà để mặc cho chị N một mình chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Thành hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng xin được ở cùng với chị N. Vì vậy, cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung để đảm bảo cho các con phát triển tốt về mọi mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Đức V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

Chị N, anh V có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N, anh V không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đức V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là Nguyễn Đức Thành, sinh ngày 25/6/2014; Nguyễn Đức Tuấn, sinh ngày 13/11/2015 và Nguyễn Đức Tú, sinh ngày 19/6/2018.

Sau khi ly hôn anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

Chị N, anh V có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N, anh V không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012588 ngày 10/12/2021 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh BG. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện LG;
- THADS huyện LG;
- UBND xã TD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn V Sang